

Họ và tên:

Lớp:

TOÁN 3 – BÀI 8: LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1. Tính các tổng sau.

a) $35 + 120 + 13 = \square \dots \dots \dots$

b) $111 + 330 + 302 = \square \dots \dots \dots$

c) $4 + 1 + 13 = \square \dots \dots \dots$

d) $134 + 122 + 103 = \square \dots \dots \dots$

Bài 2. Điền số liền trước và số liền sau của mỗi số sau.

a) Số liền trước của 62 là $\dots \dots \dots$; số liền sau của 62 là $\dots \dots \dots$

b) Số liền trước của 699 là $\dots \dots \dots$; số liền sau của 699 là $\dots \dots \dots$

c) Số liền trước của 843 là $\dots \dots \dots$; số liền sau của 843 là $\dots \dots \dots$

d) Số liền trước của 541 là $\dots \dots \dots$; số liền sau của 541 là $\dots \dots \dots$

Bài 3. Viết số thích hợp vào ô trống.

a) Số gồm 8 trăm, 9 chục và 7 đơn vị là $\dots \dots \dots$ b) Số gồm 8 trăm, 8 chục và 8 đơn vị là $\dots \dots \dots$

c) Số gồm 5 trăm, 8 chục và 3 đơn vị là $\dots \dots \dots$ d) Số gồm 5 trăm, 5 chục và 3 đơn vị là $\dots \dots \dots$

Bài 4. Sắp xếp các số trong mỗi ý theo thứ tự từ lớn đến bé.

a) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 57; 503; 280; 83. Đáp án: $\dots \dots \dots$

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 154; 35; 431; 78. Đáp án: $\dots \dots \dots$

c) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 233; 300; 120; 227. Đáp án: $\dots \dots \dots$

d) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 69; 243; 71; 90. Đáp án: $\dots \dots \dots$

Bài 5. Viết mỗi số thành tổng các trăm, chục và đơn vị.

a) $345 = \dots \dots \dots$

b) $400 = \dots \dots \dots$

c) $439 = \dots \dots \dots$

d) $548 = \dots \dots \dots$

e) $196 = \dots \dots \dots$

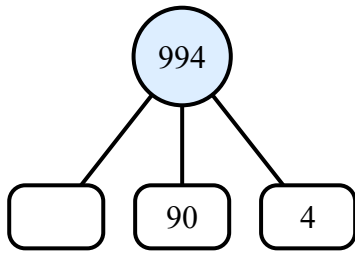
f) $500 = \dots \dots \dots$

g) $447 = \dots \dots \dots$

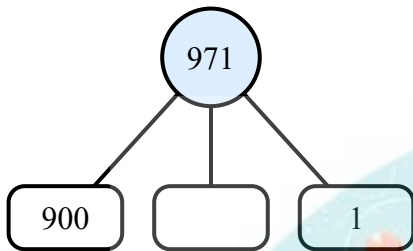
h) $570 = \dots \dots \dots$

Bài 6. Điền số thích hợp vào ô trống trong các sơ đồ phân tích số.

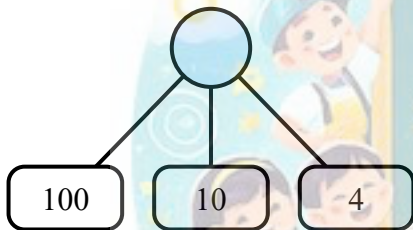
a) Quan sát sơ đồ và điền số thích hợp:



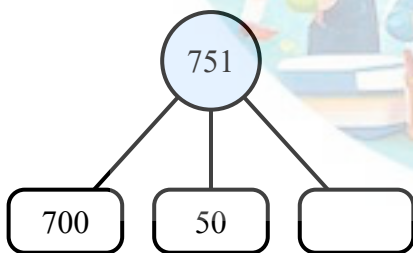
b) Quan sát sơ đồ và điền số thích hợp:



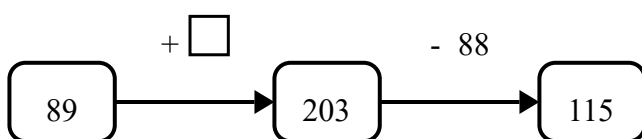
c) Quan sát sơ đồ và điền số thích hợp:



d) Quan sát sơ đồ và điền số thích hợp:



Bài 7. Quan sát con đường phép tính và điền toán tử hoặc số còn thiếu trên mũi tên.
Con đường phép tính:



Bài 8. Viết mỗi số thành tổng các trăm, chục và đơn vị.

a) $730 = \dots \dots \dots$

b) $990 = \dots \dots \dots$

c) $240 = \dots \dots \dots$

d) $402 = \dots \dots \dots$

e) $180 = \dots \dots \dots$

f) $585 = \dots \dots \dots$

g) $989 = \dots \dots \dots$

h) $750 = \dots \dots \dots$

Bài 9. Có 2 chậu hoa, mỗi chậu có 6 bông hoa. Hỏi có tất cả bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 10. Cửa hàng văn phòng phẩm có 51 cây bút. Cửa hàng đã bán 37 cây bút. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu cây bút?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 11. Đọc đề bài và trình bày bài giải.

An năm nay 9 tuổi. cô Hoa hơn An 45 tuổi. Tuổi của cô Hoa gấp mấy lần tuổi của An?

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 12. Lan uốn một sợi dây kẽm thành đường gấp khúc gồm 4 đoạn. Biết đoạn thứ nhất dài 34cm; đoạn thứ hai dài 4cm; đoạn thứ ba dài 12cm; đoạn thứ tư dài 37cm. Sợi dây kẽm đó dài tất cả bao nhiêu?

Bài giải

.....

.....

.....

---HẾT---